

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN TÂN VIÊN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN TÂN VIÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109231157

**3. Ngày thành lập:** 22/06/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Muồng Voi, Xã Vân Hòa, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                               | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                         | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                   | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                    | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                        | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                             | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                              | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình xử lý bùn;<br>- Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.                                                                           | 4229        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                        | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                 | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                           | 4293        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.<br>- Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...) | 4299        |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                          | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                               | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                           | 4321        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4322 |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.                                                                                | 4329 |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330 |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc;<br>- Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước;<br>- Chống ẩm các toà nhà;<br>- Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ);<br>- Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối;<br>- Uôn thép;<br>- Xây gạch và đặt đá;<br>- Lợp mái các công trình nhà để ở;<br>- Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo;<br>- Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp;<br>- Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. | 4390 |
| 20. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản (Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6820 |
| 21. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7110 |
| 22. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

Thời gian đăng từ ngày 22/06/2020 đến ngày 22/07/2020

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐỨC THUẬN  | Thôn Muồng Voi, Xã Vân Hòa, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông         | 50.000     | 500.000.000           | 50,000    | 001083026743                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số                   | 50.000     | 500.000.000           | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN XUÂN DƯƠNG | Thôn Quýt, Xã Yên Bài, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông         | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    | 112226225                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số                   | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                        |                           |        |             |        |                  |
|---|------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | KIỀU THỊ HẰNG    | Thôn Phú Lễ, Xã Cần Kiệm, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 15.000 | 150.000.000 | 15,000 | 0011850054<br>51 |
|   |                  |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                        | Tổng số                   | 15.000 | 150.000.000 | 15,000 |                  |
|   |                  |                                                                        |                           |        |             |        |                  |
| 4 | NGUYỄN NGỌC THÁI | Thôn Phú Yên, Xã Yên Bài, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông         | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 | 017264444        |
|   |                  |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                        | Tổng số                   | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |                  |
|   |                  |                                                                        |                           |        |             |        |                  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC THUẬN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 24/06/1983

Dân tộc: *Mường*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001083026743

Ngày cấp: 08/11/2017

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Muồng Voi, Xã Vân Hòa, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Muồng Voi, Xã Vân Hòa, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội